



nán hái r

男孩儿

Noun · boy

Example Sentence

nà ge nán hái ér zài gōng yuán lǐ tī zú qiú
那个男孩儿在公园里踢足球。

That boy is playing soccer in the park.

Trace each character, then write the word on your own.

男 男 男 男 男 男 男 男 男 男

孩 孩 孩 孩 孩 孩 孩 孩 孩 孩 孩
孩

儿 儿 儿 儿 儿